

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn phường

Thực hiện Kế hoạch số 5472/KH-UBND ngày 22/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Ủy ban nhân dân phường ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn phường Nam Gia Nghĩa với các nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Thông nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ đẻ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc; phấn đấu duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn phường, điều kiện quan trọng nhất bảo đảm nguồn nhân lực, là tiền đề cơ bản để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

II. Yêu cầu

1. Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn Nam Gia Nghĩa kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; bám sát nội dung Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và quy định có liên quan để xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các phòng, đơn vị trong tổ chức thực hiện; phấn đấu đến năm 2030, đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch.

2. Triển khai Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn phường Nam Gia Nghĩa gắn với việc tổ chức thực hiện Luật Dân số, các chương trình, kế hoạch của phường về dân số đến năm 2030 và phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của phường.

B. NỘI DUNG

I. Thực trạng mức sinh trên địa bàn phường

1. Những kết quả đạt được

- Về quy mô dân số: Dân số trung bình năm 2025 là 23.650 người.
- Tỷ suất sinh thô giai đoạn 2019 - 2024 giảm đều tại 3 khu vực: phường Nghĩa Phú giảm từ 12,31‰ năm 2019 xuống 10,8‰ năm 2024; phường Nghĩa Tân giảm từ 11,8‰ năm 2019 xuống 10,4‰ năm 2024; xã Đăk R'Moan giảm từ

12,3‰ năm 2019 xuống 10‰ năm 2024.

- Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ) có xu hướng giảm nhanh, đánh giá so sánh năm 2019 và năm 2024, phường Nghĩa Phú giảm từ 2,48 con/phụ nữ năm 2019 xuống 2,34 con/phụ nữ năm 2024; phường Nghĩa Tân giảm từ 2,39 con/phụ nữ năm 2019 xuống 2,36 con/phụ nữ năm 2024; xã Đăk R'Moan giảm 2,42 con/phụ nữ năm 2019 xuống 2,34 con/phụ nữ năm 2024. Năm 2025 tổng tỷ suất sinh toàn phường Nam Gia Nghĩa là 2,3 con/phụ nữ.

- Tính chung địa bàn 3 khu vực (phường Nghĩa Phú, Nghĩa Tân và xã Đăk R'Moan cũ) mức sinh đang còn hơi cao so với mức sinh toàn tỉnh (năm 2024 mức của tỉnh Lâm Đồng đã đạt mức sinh thay thế là 2,12 con/phụ nữ).

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện công tác dân số chưa chặt chẽ, hiệu quả; công tác truyền thông dân số ở một số địa phương về thực hiện chính sách sinh đủ hai con chưa phong phú, phù hợp với bối cảnh mức sinh biến động nhanh và có xu hướng giảm sâu tại khu vực đô thị và nơi có điều kiện kinh tế phát triển; thông điệp truyền thông hiện nay chưa cập nhật kịp thời với định hướng mới của chính sách dân số là chuyển từ giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế và khuyến sinh.

- Các chỉ tiêu liên quan đến mang thai, nạo phá thai, sinh con ở tuổi vị thành niên, thanh niên khó đo lường do đây là nhóm đối tượng khó tiếp cận, số liệu thống kê báo cáo khó thu thập, các cơ sở y tế tư nhân không cung cấp thông tin vì bảo mật thông tin cho khách hàng.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số thường xuyên thay đổi, khó khăn trong công tác đào tạo, tập huấn. Công tác kiểm tra, giám sát tuy được tổ chức thường xuyên, định kỳ nhưng chưa tổ chức được giám sát chuyên đề nhằm phát hiện cụ thể những tồn tại, hạn chế, bất cập giữa tình hình thực tế, mục tiêu đề ra, phương thức thực hiện và hiệu quả hoạt động.

- Ngân sách nhà nước đầu tư để thực hiện Chương trình còn chưa đáp ứng được một số nội dung như hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho nhóm đối tượng ưu tiên, do quy định kinh phí thực hiện Chương trình chưa điều chỉnh phù hợp với quy định Luật Ngân sách nhà nước.

3. Nguyên nhân của một số tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

Ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, suy giảm mức sinh; tình trạng ly hôn, ly thân, kết hôn muộn có xu hướng gia tăng; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các hội, đoàn thể trong công tác dân số đôi lúc chưa đồng bộ.

b) Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền còn chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tốc độ già hoá dân số liên quan trực

tiếp đến sự tồn tại, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Cách tiếp cận khác nhau giữa các vùng mức sinh sẽ khó khăn trong việc xây dựng các chính sách, thông điệp truyền thông để đạt và duy trì mức sinh thay thế.

4. Bài học kinh nghiệm

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự vào cuộc của các cơ quan, đơn vị và các hội, đoàn thể là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công để thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Kinh nghiệm cho thấy những cơ quan, đơn vị, địa phương mà cấp ủy, chính quyền, đoàn thể vào cuộc tích cực, nhất là người đứng đầu thì ở đó công tác dân số đạt kết quả tốt.

Ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số có vai trò quan trọng, quyết định đến hiệu quả triển khai thực hiện Chương trình. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp nhưng phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ công tác dân số được giao, phù hợp với từng giai đoạn. Bảo đảm nguồn lực là yếu tố then chốt để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng, tạo động lực, phong trào thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tăng tỷ lệ sinh, duy trì mức sinh thay thế, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trung bình 0,5% tổng tỷ suất sinh trên toàn phường mỗi năm.
- Trên 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế.
- Đảm bảo thực hiện các chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con.

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển, điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo, vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gia tăng tỷ lệ sinh, chú trọng ở địa phương có mức sinh dưới mức sinh thay thế để đạt và duy trì mức sinh thay

thể trên toàn tỉnh nhằm bảo đảm nguồn nhân lực - điều kiện quan trọng nhất, tiền đề cơ bản nhất để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, dân tộc trường tồn.

b) Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các phòng, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội phường tham gia thực hiện chương trình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ đẻ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Ban hành quy định gắn kết quả thực hiện các mục tiêu về mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 17/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Kết luận 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch 16/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường về triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; và các quy định của pháp luật khác có liên quan nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số (bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số). Tập trung tuyên truyền việc gia tăng tỷ lệ sinh, trong đó chú trọng những khu vực có điều kiện kinh tế phát triển để duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.

b) Phổ biến các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau; tập trung vận động, khuyến khích kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con

quá sớm, sinh con quá dày đôi với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số.

- Khuyến khích chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ (những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng bản,...) trong công tác tuyên truyền, vận động sinh đủ con theo chính sách khuyến khích của Nhà nước. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên, nhân viên y tế tổ dân phố.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục; trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

b) Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con nhằm duy trì mức sinh thay thế bền vững.

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt; đồng thời có chính sách khuyến khích không kết hôn muộn, không sinh con muộn và không sinh ít con.

c) Cập nhật kịp thời các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở, phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế;... đến việc sinh ít con; xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp.

d) Ban hành các biện pháp hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi.

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con.

- Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ; các dịch vụ thân thiện với người lao động như đưa, đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sỹ gia đình, xây dựng nhóm trẻ, trường Mầm non phù hợp với điều kiện của bà mẹ.

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tạo điều kiện trở lại nơi làm việc cho phụ nữ sau khi sinh con; miễn giảm các khoản đóng góp công ích theo hộ gia đình.

- Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con: ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng Dân số.

b) Xây dựng và triển khai các loại hình dự phòng vô sinh tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

c) Đối với địa bàn vùng xa trung tâm, vùng dân tộc thiểu số; tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cập nhật kiến thức mới, phối hợp tổ chức tập huấn đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc sinh con; tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới hộ gia đình. Tập huấn cho toàn bộ cộng tác viên về kiến thức, kỹ năng mới, đáp ứng nhiệm vụ chuyên trọng tâm nội dung phần đầu đạt mức sinh thay thế.

- Cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm

công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào nhiệm vụ, hoạt động của các phòng, đơn vị.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý

- Xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về những giải pháp, can thiệp nhằm bảo đảm mức sinh thay thế *(nếu có)*.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác dân số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dân số đồng bộ trong toàn phường và tích hợp với Trung ương.

- Thường xuyên cung cấp, thông tin về dân số, thực trạng mức sinh cho các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

- Tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

IV. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm: Nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho công tác Y tế, dân số hằng năm; lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch với các chiến lược, quy hoạch, Kế hoạch của ngành Y tế giai đoạn 2026 - 2030 với các hoạt động dự án Chương trình khác đang triển khai trên địa bàn phường *(nếu có)*.

2. Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, trong và ngoài phường.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

- Hàng năm, căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng tham mưu kịp thời UBND phường Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn phường bảo đảm theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng trước ngày 10/12 theo quy định; đồng thời tham mưu UBND phường tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 bằng hình thức phù hợp.

- Phối hợp với Trạm Y tế, các phòng, đơn vị liên quan tiếp tục ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số, cộng tác viên dân số trên địa bàn phường.

- Phối hợp với Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt chính sách dân số, giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tình trạng có thai ngoài ý muốn, nuôi con khỏe

dạy con ngoan để có điều kiện phát triển kinh tế gia đình.

- Chỉ đạo các trường học cập nhật kịp thời các nội dung mới trong chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, trang bị cho học sinh các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Trạm Y tế phường

- Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động chuyên môn theo Kế hoạch; đảm bảo duy trì cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến công tác đảm bảo mức sinh thay thế đầy đủ và báo cáo cấp có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản bảo đảm chất lượng, an toàn, thuận tiện cho người dân.

- Đẩy mạnh tư vấn, truyền thông trực tiếp về Dân số - kế hoạch hóa gia đình; tư vấn tiền hôn nhân, sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên.

- Quản lý, cập nhật dữ liệu Dân số; theo dõi biến động về sinh, tử, kết hôn, di cư trên địa bàn phường.

- Phối hợp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho đội ngũ công tác viên Dân số, nhân viên y tế tổ dân phố.

- Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Phối hợp tổ chức các chiến dịch truyền thông, cung cấp dịch vụ Dân số - kế hoạch hóa gia đình theo kế hoạch.

- Thường xuyên đôn đốc và kết nối đội ngũ công tác viên dân số, y tế tổ dân phố để triển khai các hoạt động đảm bảo mức sinh, tỉ lệ sinh; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, hướng dẫn người dân phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Trên cơ sở đề xuất của Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan; căn cứ các quy định hiện hành, khả năng cân đối ngân sách địa phương; tham mưu UBND phường bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia đề án, dự án, kế hoạch có liên quan phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

4. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường

Phối hợp với Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài viết phù hợp về công tác dân số trên Đài truyền thanh phường và hệ thống loa phát thanh tổ dân phố; đẩy mạnh tuyên truyền khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, phụ nữ sinh đủ hai con trước tuổi 35 để duy

trì mức sinh thay thế.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí để tuyên truyền các nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn phường Nam Gia Nghĩa.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: chủ động phối hợp thực hiện Kế hoạch này trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường

Phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia triển khai và giám sát thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn phường. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường, các phòng, đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các phòng, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND phường (*qua phòng Văn hoá - Xã hội*) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND phường (b/c);
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CT -XH;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc phường;
- Trang TTĐT phường (đăng tải);
- Lưu: VT, VHXX (L).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Thịnh